

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý
Phú Nhuận và các công ty con**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4103002026

ngày 2 tháng 1 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh sau cùng là ngày 12 tháng 12 năm 2007.

Hội đồng Quản trị

Bà Cao Thị Ngọc Dung
Ông Nguyễn Vũ Phan
Bà Nguyễn Thị Cúc
Bà Nguyễn Thị Ngọc
Ông Đặng Phước Dừa

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Cao Thị Ngọc Dung
Bà Nguyễn Thị Cúc
Ông Nguyễn Vũ Phan
Ông Lê Hữu Hạnh
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh
Phó Tổng Giám đốc Đầu tư

Trụ sở đăng ký

170E Phan Đăng Lưu
Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con (“Tập đoàn”) và bảng cân đối kế toán riêng của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong các báo cáo kiểm toán lần lượt tại ngày 22 tháng 4 năm 2008 và ngày 28 tháng 1 năm 2008.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 08-01-223

John T. Ditty

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0555/KTV

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2009

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008

			Tập đoàn		Công ty	
	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100		786.286.736.162	902.286.512.591	668.744.760.108	839.865.203.048
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	617.517.376.652	653.882.919.533	598.875.775.654	633.512.705.740
Tiền	111		78.731.661.992	178.345.611.557	60.256.881.994	159.592.633.404
Các khoản tương đương tiền	112		538.785.714.660	475.537.307.976	538.618.893.660	473.920.072.336
Đầu tư ngắn hạn	120	10	23.032.212.000	16.861.556.680	-	16.861.556.680
Đầu tư ngắn hạn	121		24.131.274.000	16.861.556.680	-	16.861.556.680
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.099.062.000)	-	-	-
Các khoản phải thu	130	5	55.318.332.984	187.371.548.205	49.907.572.446	171.718.470.323
Phải thu thương mại	131		27.262.281.228	18.777.305.837	8.528.461.091	6.129.975.821
Trả trước cho người bán	132		4.041.126.129	80.069.956.193	3.255.324.717	77.065.712.879
Phải thu khác	135		24.736.018.500	89.252.019.048	38.844.879.511	89.250.514.496
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(721.092.873)	(727.732.873)	(721.092.873)	(727.732.873)
Hàng tồn kho	140	6	68.296.724.971	30.864.803.203	9.997.044.131	9.557.019.059
Hàng tồn kho	141		68.299.062.613	30.867.140.845	9.999.381.773	9.559.356.701
Dự phòng hàng tồn kho	149		(2.337.642)	(2.337.642)	(2.337.642)	(2.337.642)
Tài sản ngắn hạn khác	150		22.122.089.555	13.305.684.970	9.964.367.877	8.215.451.246
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.541.789.765	5.902.826.002	5.892.832.007	3.818.793.410
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.228.925.815	1.857.533.984	-	-
Thuế phải thu Nhà nước	154		47.122.962	1.000.000	47.122.962	1.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.304.251.013	5.544.324.984	4.024.412.908	4.395.657.836

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

			Tập đoàn		Công ty	
	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tài sản dài hạn	200		896.845.092.860	513.555.456.281	783.759.273.549	457.291.837.086
Tài sản cố định	220		311.765.860.980	50.171.720.212	240.294.054.912	33.392.469.967
Tài sản cố định hữu hình	221	7	86.100.020.559	49.253.455.377	34.214.078.143	32.953.933.299
<i>Nguyên giá</i>	222		185.594.669.608	124.100.988.595	70.657.882.784	61.126.773.956
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(99.494.649.049)	(74.847.533.218)	(36.443.804.641)	(28.172.840.657)
Tài sản cố định vô hình	227	8	200.541.521.567	288.226.835	192.915.905.088	250.354.850
<i>Nguyên giá</i>	228		201.624.886.935	392.149.297	193.068.674.638	335.937.000
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(1.083.365.368)	(103.922.462)	(152.769.550)	(85.582.150)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	25.124.318.854	630.038.000	13.164.071.681	188.181.818
Đầu tư dài hạn	250	10	426.682.310.080	329.655.288.400	531.244.947.080	421.225.830.899
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	104.562.637.000	91.575.542.499
Đầu tư dài hạn khác	258		437.482.310.080	329.655.288.400	437.482.310.080	329.650.288.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(10.800.000.000)	-	(10.800.000.000)	-
Tài sản dài hạn khác	260		158.396.921.800	133.728.447.669	12.220.271.557	2.673.536.220
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	154.427.934.485	129.561.198.473	11.791.127.754	2.673.536.220
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	2.335.289.302	1.452.752.508	429.143.803	-
Tài sản dài hạn khác	244		5.000.000	-	-	-
Lợi thế thương mại	269	14	1.628.698.013	2.714.496.688	-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		1.683.131.829.022	1.415.841.968.872	1.452.504.033.657	1.297.157.040.134

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

			Tập đoàn		Công ty	
	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ	300		718.813.204.662	449.034.765.464	543.681.723.750	361.586.776.585
Nợ ngắn hạn	310		642.101.906.161	380.846.676.645	539.235.459.189	355.099.548.023
Vay ngắn hạn	311	15	470.190.382.245	284.872.535.805	409.347.202.157	293.372.535.805
Phải trả người bán	312		76.276.404.188	64.158.576.609	33.895.358.120	21.745.380.029
Người mua trả tiền trước	313		60.452.206.963	1.480.626.021	59.851.773.025	72.053.696
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	16	14.930.855.659	15.845.676.505	11.012.309.799	14.913.130.868
Phải trả người lao động	315		2.310.857.956	1.356.075.232	530.287.937	1.041.326.165
Chi phí phải trả	316	17	5.607.530.633	1.753.498.250	3.826.637.437	1.119.241.521
Phải trả khác	319	18	12.333.668.517	11.347.880.423	20.771.890.714	22.804.072.139
Dự phòng	320		-	31.807.800	-	31.807.800
Vay và nợ dài hạn	330		76.711.298.501	68.188.088.819	4.446.264.561	6.487.228.562
Phải trả dài hạn khác	333		57.090.566.480	61.164.175.921	249.325.500	166.175.500
Vay dài hạn	334	19	16.321.608.272	5.361.098.950	1.856.001.961	5.361.098.950
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	20	3.299.123.749	1.662.813.948	2.340.937.100	959.954.112
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		964.318.624.360	966.807.203.408	908.822.309.907	935.570.263.549
Vốn chủ sở hữu	410		893.598.500.445	928.725.522.373	890.049.726.994	927.479.724.207
Vốn cổ phần	411	21	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		525.000.000.000	525.000.000.000	525.000.000.000	525.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		31.728.284.680	11.113.518.929	31.070.897.000	11.070.897.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		15.449.322.840	3.775.885.965	15.120.629.000	3.754.575.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		21.420.892.925	88.836.117.479	18.858.200.994	87.654.252.207

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn 2008 VNĐ	2007 VNĐ	Công ty 2008 VNĐ	2007 VNĐ
Quỹ khen thưởng phúc lợi	430	22	19.960.194.077	8.118.542.217	18.772.582.913	8.090.539.342
Lợi ích cổ đông thiểu số	439	23	50.759.929.838	29.963.138.818	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.683.131.829.022	1.415.841.968.872	1.452.504.033.657	1.297.157.040.134

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

			Tập đoàn		Công ty	
	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tổng doanh thu	01	3	4.204.235.943.563	2.395.503.437.664	3.500.788.372.647	2.233.583.617.350
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	3	(25.386.760.979)	(15.868.261.734)	(25.043.759.774)	(15.868.261.734)
Doanh thu thuần	10		4.178.849.182.584	2.379.635.175.930	3.475.744.612.873	2.217.715.355.616
Giá vốn hàng bán	11	3	(3.828.808.852.408)	(2.177.499.663.010)	(3.219.330.626.542)	(2.028.398.743.796)
Lợi nhuận gộp	20		350.040.330.176	202.135.512.920	256.413.986.331	189.316.611.820
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	56.899.530.012	54.519.052.631	59.904.089.075	54.395.709.859
Chi phí hoạt động tài chính	22	25	(63.237.590.959)	(25.541.948.148)	(48.996.945.710)	(24.958.413.888)
Chi phí bán hàng	24		(140.191.777.752)	(85.838.569.417)	(85.018.048.255)	(75.538.290.973)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(47.245.266.782)	(22.535.447.136)	(32.507.355.881)	(19.662.507.242)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		156.265.224.695	122.738.600.850	149.795.725.560	123.553.109.576
Kết quả từ những hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	26	11.167.192.255	7.959.882.077	3.469.400.970	5.856.352.748
Chi phí khác	32		(922.253.466)	(148.242.244)	(140.870.222)	(85.591.314)
Lợi nhuận trước thuế	50		166.510.163.484	130.550.240.683	153.124.256.308	129.323.871.010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

			Tập đoàn		Công ty	
	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	51	27	(35.528.877.415)	(16.528.148.816)	(31.426.235.324)	(15.968.091.324)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	52	27	882.536.794	990.716.764	429.143.803	(262.645.532)
Lợi nhuận thuần	60		131.863.822.863	115.012.808.631	122.127.164.787	113.093.134.154
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		6.300.247.042	631.254.381	-	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		125.563.575.821	114.381.554.250	-	-
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	4.185	5.465	4.070	5.403

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Tập đoàn

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007	100.000.000.000	-	974.897.000	2.085.575.000	15.374.118.053	118.434.590.053
Vốn cổ phần đã phát hành	80.000.000.000	645.000.000.000	-	-	-	725.000.000.000
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	120.000.000.000	(120.000.000.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	114.381.554.250	114.381.554.250
Trích lập các quỹ	-	-	10.138.621.929	1.690.310.965	(22.872.943.859)	(11.044.010.965)
Cổ tức	-	-	-	-	(16.800.000.000)	(16.800.000.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(1.246.610.965)	(1.246.610.965)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008	300.000.000.000	525.000.000.000	11.113.518.929	3.775.885.965	88.836.117.479	928.725.522.373
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	125.563.575.821	125.563.575.821
Trích lập các quỹ	-	-	20.614.765.751	11.708.436.875	(57.082.417.500)	(24.759.214.874)
Cổ tức	-	-	-	-	(126.750.000.000)	(126.750.000.000)
Sử dụng quỹ dự phòng trong năm	-	-	-	(35.000.000)	-	(35.000.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(9.146.382.875)	(9.146.382.875)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2008	300.000.000.000	525.000.000.000	31.728.284.680	15.449.322.840	21.420.892.925	893.598.500.445

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

Công ty

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007	100.000.000.000	-	974.897.000	2.085.575.000	15.374.118.053	118.434.590.053
Vốn cổ phần đã phát hành	80.000.000.000	645.000.000.000	-	-	-	725.000.000.000
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	120.000.000.000	(120.000.000.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	113.093.134.154	113.093.134.154
Trích lập các quỹ	-	-	10.096.000.000	1.669.000.000	(22.787.700.000)	(11.022.700.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(16.800.000.000)	(16.800.000.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(1.225.300.000)	(1.225.300.000)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008	300.000.000.000	525.000.000.000	11.070.897.000	3.754.575.000	87.654.252.207	927.479.724.207

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008	300.000.000.000	525.000.000.000	11.070.897.000	3.754.575.000	87.654.252.207	927.479.724.207
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	122.127.164.787	122.127.164.787
Trích lập các quỹ	-	-	20.000.000.000	11.401.054.000	(55.334.216.000)	(23.933.162.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(126.750.000.000)	(126.750.000.000)
Sử dụng quỹ dự trữ trong năm	-	-	-	(35.000.000)	-	(35.000.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(8.839.000.000)	(8.839.000.000)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2008	300.000.000.000	525.000.000.000	31.070.897.000	15.120.629.000	18.858.200.994	890.049.726.994

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn 2008 VNĐ	2007 VNĐ	Công ty 2008 VNĐ	2007 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận trước thuế	01		166.510.163.484	130.550.240.683	153.124.256.308	129.323.871.010
Điều chỉnh cho các khoản						
Khấu hao và phân bổ	02		36.065.641.226	9.973.180.888	10.746.235.722	7.719.477.520
Dự phòng	03		13.872.415.768	-	12.332.656.438	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(575.062.801)	(572.644.609)	1.028.498	(572.644.609)
Lãi thanh lý tài sản cố định			(16.700.000)	(10.571.407)	(16.700.000)	(10.571.407)
Xóa sổ tài sản cố định			6.254.186	-	-	-
Lãi từ chuyển giao tài sản cho công ty con			-	-	(2.281.409.000)	(734.425.952)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(38.081.508.139)	(53.939.003.349)	(44.582.258.439)	(53.823.065.250)
Chi phí lãi vay	06		32.978.648.561	23.670.855.391	27.804.402.620	23.152.828.725
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		210.759.852.285	109.672.057.597	157.128.212.147	105.055.470.037
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		152.635.162.886	(153.137.167.913)	120.061.981.246	(157.605.457.905)
Biến động hàng tồn kho	10		(948.274.834)	(11.701.622.765)	(440.025.072)	1.822.762.841
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		47.464.575.621	20.696.523.007	67.646.456.848	(64.038.707.459)
			409.911.315.958	(34.470.210.074)	344.396.625.169	(114.765.932.486)
Lãi vay đã trả	13		(31.942.217.928)	(22.744.911.528)	(27.102.176.569)	(22.019.568.195)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(40.264.181.593)	(7.023.279.231)	(39.165.224.859)	(7.011.001.654)
Chi trả khác cho hoạt động kinh doanh	16		(13.557.092.933)	(3.749.465.223)	(13.286.118.429)	(3.749.465.223)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	20		324.147.823.504	(67.987.866.056)	264.843.105.312	(147.545.967.558)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

		Tập đoàn		Công ty		
	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(300.793.468.406)	(62.726.192.843)	(226.765.412.201)	(40.780.758.842)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		16.700.000	18.000.000	16.700.000	18.000.000
Chi đầu tư vào các công ty khác	25		(159.221.739.000)	(377.473.547.576)	(137.680.465.000)	(332.872.887.578)
Thu hồi đầu tư vào các công ty khác	26		29.420.000.000	105.331.502.496	33.722.905.499	105.331.502.496
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		37.761.583.707	49.780.246.580	44.582.258.439	49.695.465.250
Mua công ty con			-	(17.272.637.000)	-	(17.272.637.000)
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(392.816.923.699)	(302.342.628.343)	(286.124.013.263)	(235.881.315.674)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	725.000.000.000	-	725.000.000.000
Thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		1.491.252.597.816	1.235.060.602.407	1.292.525.806.867	1.243.560.602.407
Vốn góp bởi cổ đông thiểu số			6.418.455.498	23.332.044.501	-	-
Chi trả nợ gốc	34		(1.339.094.448.798)	(1.277.717.891.300)	(1.180.335.671.920)	(1.269.717.891.300)
Chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	35		(4.004.056.798)	-	-	-
Chi trả cổ tức	36		(125.824.563.000)	(16.754.754.000)	(125.824.563.000)	(16.754.754.000)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động tài chính	40		28.747.984.718	688.920.001.608	(13.634.428.053)	682.087.957.107

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

			Tập đoàn		Công ty	
	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(39.921.115.477)	318.589.507.209	(34.915.336.004)	298.660.673.875
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	653.882.919.533	334.843.181.885	633.512.705.740	334.843.181.885
Tiền thu từ hợp nhất kinh doanh			3.277.166.678	441.380.459	-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		278.405.918	8.849.980	278.405.918	8.849.980
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	617.517.376.652	653.882.919.533	598.875.775.654	633.512.705.740

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ của Công ty trong năm gồm tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn do hợp nhất kinh doanh được nêu tại Thuyết minh 11.

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi nhuận của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, trang sức và đá quý; nhập khẩu và xuất khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý; cung cấp dịch vụ ngoại hối; thăm dò và khai thác vàng, bạc, đá quý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Tập đoàn có 2.391 nhân viên (2007: 2.308 nhân viên); Công ty có 1.735 nhân viên (2007: 1.724 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty liên kết là những đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của các đơn vị này. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại các đơn vị nhận đầu tư.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn và Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền bao gồm vàng, bạc, kim khí quý và đá quý, và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn, công cụ nợ và công cụ vốn chủ sở hữu của các công ty không chịu sự kiểm soát của Tập đoàn hoặc Tập đoàn không có những ảnh hưởng trọng yếu đến các công ty đó, được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban lãnh đạo cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và quyền sử dụng đất thuê. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Quyền sử dụng đất thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê đất.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bình khí đốt

Bình khí đốt được phản ánh theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu là thiết bị văn phòng không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo qui định của Việt Nam do mỗi tài sản có nguyên giá thấp hơn 10 triệu VNĐ. Thiết bị văn phòng này được phân loại là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trên ba năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Nợ dài hạn khác

Nợ dài hạn khác chủ yếu thể hiện các khoản ký quỹ cho bình khí đốt. Các khoản ký quỹ bình khí đốt này được phản ánh theo giá trị ký quỹ gốc trừ cho phí sử dụng bình của bên ký quỹ. Phí sử dụng hàng năm (tức khoản ghi có vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) tương đương với khoản khấu hao của bình khí đốt.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(q) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(r) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ tiền lãi chưa phân phối hàng năm dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Khoản chi thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(s) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(t) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn hoạt động trong một vùng địa lý, đó là Việt Nam.

(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Thủy hải sản		Loại trừ hợp nhất		Hợp nhất	
	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Doanh thu bộ phận	3.500.788.372.647	2.233.583.617.350	496.922.905.776	187.401.047.124	241.475.193.921	-	(34.950.528.781)	(25.481.226.810)	4.204.235.943.563	2.395.503.437.664
Các khoản giảm trừ doanh thu của bộ phận	(25.043.759.774)	(15.868.261.734)	-	-	(343.001.205)	-	-	-	(25.386.760.979)	(15.868.261.734)
Giá vốn hàng bán bộ phận	(3.219.330.626.542)	(2.028.398.743.796)	(438.414.820.012)	(175.463.526.701)	(206.373.778.217)	-	35.310.372.363	26.362.607.487	(3.828.808.852.408)	(2.177.499.663.010)
Lợi nhuận gộp bộ phận	256.413.986.331	189.316.611.820	58.508.085.764	11.937.520.423	34.758.414.499	-	359.843.582	881.380.677	350.040.330.176	202.135.512.920
Kết quả bộ phận	142.217.112.943	99.886.575.039	15.447.891.564	1.345.490.999	15.726.755.780	-	(543.535.856)	341.070.162	172.848.224.431	101.573.136.200
Doanh thu không phân bổ									56.899.530.012	54.519.052.631
Chi phí không phân bổ									(63.237.590.959)	(25.541.948.148)
	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Thủy hải sản		Hợp nhất			
	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tài sản của bộ phận	991.844.578.368	950.101.933.281	128.779.360.866	119.228.190.511	112.793.367.708	-	1.233.417.306.942	1.069.330.123.792		
Tài sản không phân bổ							449.714.522.080	346.511.845.080		
Tổng tài sản									1.683.131.829.022	1.415.841.968.872
Nợ phải trả của bộ phận	534.384.575.669	340.086.776.585	104.018.710.137	108.947.988.879	80.409.918.856	-	718.813.204.662	449.034.765.464		
Mua sắm tài sản dài hạn	226.765.412.201	13.116.739.588	47.910.900.037	4.983.791.139	26.117.156.168	-	300.793.468.406	18.100.530.727		
Khấu hao	8.513.241.968	7.653.890.120	4.216.987.346	1.695.757.085	2.545.311.031	-	15.275.540.345	9.349.647.205		
Phân bổ	2.232.993.754	65.587.400	17.282.422.428	15.046.945	188.886.024	-	19.704.302.206	80.634.345		

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn		Công ty	
	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	7.746.508.549	10.475.153.307	4.761.244.112	6.946.772.575
Tiền gửi ngân hàng	70.985.153.443	167.870.458.250	55.495.637.882	152.654.860.829
Các khoản tương đương tiền				
▪ Tiền đang chuyển	175.816.999	2.131.093.552	8.995.999	513.857.912
▪ Vàng, bạc, kim khí quý và đá quý	538.609.897.661	473.406.214.424	538.609.897.661	473.406.214.424
	617.517.376.652	653.882.919.533	598.875.775.654	633.512.705.740

Trong tiền ngày 31 tháng 12 năm 2008 có số ngoại tệ khác VNĐ của Tập đoàn tương đương 11 tỷ VNĐ (2007: 4 tỷ VNĐ); của Công ty tương đương 10 tỷ VNĐ (2007: 4 tỷ VNĐ).

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Hợp đồng ủy thác đầu tư	15.940.998.056	-	15.940.998.056	-
Cho công ty con vay	-	-	15.058.447.196	-
Phải thu từ công đoàn	-	79.866.050.500	-	79.866.050.500
Cho các công ty khác vay	2.474.281.199	-	2.474.281.199	-
Phải thu từ các dịch vụ cầm cố	2.457.150.000	1.149.800.000	2.457.150.000	1.149.800.000
Cho cổ đông vay	945.005.000	-	-	-
Khác	2.918.584.245	8.236.168.548	2.914.003.060	8.234.663.996
	24.736.018.500	89.252.019.048	38.844.879.511	89.250.514.496

Hợp đồng ủy thác đầu tư bao gồm những khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty niêm yết do công ty được ủy thác đại diện Công ty thực hiện và được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư trên không phải ghi nhận do giá thị trường của các cổ phiếu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cao hơn nguyên giá.

Các khoản cho các công ty con và cổ đông vay không bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Tập đoàn/Công ty	
	2008	2007
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	727.732.873	727.732.873
Hoàn nhập	(6.640.000)	-
Dự phòng phải thu khó đòi	721.092.873	727.732.873

6. Hàng tồn kho

	Tập đoàn		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Hàng đang đi đường	-	2.191.504.000	-	-
Nguyên vật liệu	17.673.725.496	14.098.571.211	4.367.525.807	1.647.212.684
Công cụ và dụng cụ	7.962.998.072	7.182.874.744	5.308.799.743	5.306.015.815
Sản xuất kinh doanh dở dang	1.830.447.758	2.657.614.350	-	-
Thành phẩm	31.707.159.496	453.810.147	-	-
Hàng hóa tồn kho	8.997.917.371	4.282.766.393	323.056.223	2.606.128.202
Hàng gửi đi bán	126.814.420	-	-	-
	68.299.062.613	30.867.140.845	9.999.381.773	9.559.356.701
Dự phòng hàng tồn kho	(2.337.642)	(2.337.642)	(2.337.642)	(2.337.642)
	68.296.724.971	30.864.803.203	9.997.044.131	9.557.019.059

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị Văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	22.051.042.630	79.372.829.698	7.941.228.667	14.735.887.600	124.100.988.595
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	14.444.500.000	4.161.249.819	1.001.853.714	459.046.576	20.066.650.109
Tăng trong năm	5.860.375.528	28.237.105.326	1.039.936.000	4.213.461.452	39.350.878.306
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.197.676.382	185.531.800	-	-	2.383.208.182
Chuyển sang công cụ và dụng cụ	-	-	(42.704.000)	-	(42.704.000)
Thanh lý	-	(197.546.799)	(44.731.185)	(22.073.600)	(264.351.584)
Số dư cuối năm	44.553.594.540	111.759.169.844	9.895.583.196	19.386.322.028	185.594.669.608
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	9.854.402.090	54.207.778.847	3.381.219.640	7.404.132.641	74.847.533.218
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	7.886.250.667	1.420.986.937	189.652.427	139.223.033	9.636.113.064
Khấu hao	3.083.479.418	8.589.638.818	1.925.149.764	1.677.272.345	15.275.540.345
Chuyển sang công cụ và dụng cụ	-	-	(6.440.180)	-	(6.440.180)
Thanh lý	-	(197.546.799)	(44.731.185)	(15.819.414)	(258.097.398)
Số dư cuối năm	20.824.132.175	64.020.857.803	5.444.850.466	9.204.808.605	99.494.649.049
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	23.729.462.365	47.738.312.041	4,450,732,730	10.181.513.423	86.100.020.559
Số dư đầu năm	12.196.640.540	25.165.050.851	4,560,009,027	7.331.754.959	49.253.455.377

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 47.088 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (2007: 41.232 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 13.609 triệu VNĐ (2007: 2.841 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Công ty

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.338.855.027	40.218.308.873	6.816.309.068	5.753.300.988	61.126.773.956
Tăng trong năm	873.181.600	6.284.236.613	997.401.099	-	8.154.819.312
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.618.567.500	-	-	-	1.618.567.500
Thanh lý	-	(197.546.799)	(44.731.185)	-	(242.277.984)
Số dư cuối năm	10.830.604.127	46.304.998.687	7.768.978.982	5.753.300.988	70.657.882.784
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	2.001.076.545	21.368.572.199	2.435.671.538	2.367.520.375	28.172.840.657
Khấu hao	562.071.270	5.611.467.370	1.719.730.333	619.972.995	8.513.241.968
Thanh lý	-	(197.546.799)	(44.731.185)	-	(242.277.984)
Số dư cuối năm	2.563.147.815	26.782.492.770	4.110.670.686	2.987.493.370	36.443.804.641
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	8.267.456.312	19.522.505.917	3.658.308.296	2.765.807.618	34.214.078.143
Số dư đầu năm	6.337.778.482	18.849.736.674	4.380.637.530	3.385.780.613	32.953.933.299

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 14.710 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (2007: 11.103 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 3.228 triệu VNĐ (2007: 2.841 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	392.149.297	392.149.297
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	8.500.000.000	-	8.500.000.000
Tăng trong năm	21.582.261.500	-	21.582.261.500
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	171.150.476.138	-	171.150.476.138
Số dư cuối năm	201.232.737.638	392.149.297	201.624.886.935
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu năm	-	103.922.462	103.922.462
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	708.322.538	-	708.322.538
Phân bổ trong năm	188.886.024	82.234.344	271.120.368
Số dư cuối năm	897.208.562	186.156.806	1.083.365.368
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	200.335.529.076	205.992.491	200.541.521.567
Số dư đầu năm	-	288.226.835	288.226.835

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Công ty

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	335.937.000	335.937.000
Tăng trong năm	21.582.261.500	-	21.582.261.500
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	171.150.476.138	-	171.150.476.138
Số dư cuối năm	192.732.737.638	335.937.000	193.068.674.638
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu năm	-	85.582.150	85.582.150
Phân bổ trong năm	-	67.187.400	67.187.400
Số dư cuối năm	-	152.769.550	152.769.550
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	192.732.737.638	183.167.450	192.915.905.088
Số dư đầu năm	-	250.354.850	250.354.850

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Tập đoàn		Công ty	
	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Số dư đầu năm	630.038.000	-	188.181.818	-
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	2.467.554.424	-	-	-
Tăng trong năm	195.860.410.750	630.038.000	185.744.933.501	444.506.200
Chuyển sang đầu tư vào công ty con	-	-	-	(256.324.382)
Chuyển sang tài sản cố định	(173.533.684.320)	-	(172.769.043.638)	-
Số dư cuối năm	25.124.318.854	630.038.000	13.164.071.681	188.181.818

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

10. Đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư chứng khoán	24.131.274.000	16.861.556.680	-	16.861.556.680
Dự phòng giảm giá	(1.099.062.000)	-	-	-
	23.032.212.000	16.861.556.680	-	16.861.556.680

(b) Đầu tư dài hạn

	Công ty	
	2008	2007
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty con		
▪ Đại Việt (a)	70.000.000.000	74.302.905.499
▪ Hong Vina (b)	17.272.637.000	17.272.637.000
▪ SG Fisco (c)	17.290.000.000	-
	104.562.637.000	91.575.542.499

- Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 70% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt (“Đại Việt”), một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Đại Việt là mua bán gas, bếp gas và phụ tùng máy móc, thiết bị, vật tư ngành dầu khí, cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa, mua bán dầu, mỡ bôi trơn, dầu nhờn và các sản phẩm hóa dầu.
- Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 70% vốn của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina (“Hong Vina”), một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và mua bán bình khí đốt, bình áp lực và các sản phẩm phụ kiện của bình khí đốt và bình áp lực, cung ứng dịch vụ sửa chữa bình khí đốt.
- Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 57,63% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Hải sản S.G (“S.G Fisco”), một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của S.G Fisco là mua bán hàng thủy sản, nguyên liệu, vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ ngành chế biến thủy sản; mua bán hàng nông sản, lâm sản, thực phẩm; đại lý ký gửi hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, chế biến hàng nông, lâm, thủy sản, dịch vụ thương mại.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Tập đoàn		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đầu tư dài hạn khác vào:				
▪ Đông Á Land	46.200.000.000	18.200.000.000	46.200.000.000	18.200.000.000
▪ Công ty kinh doanh và đầu tư vàng quốc tế	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
▪ Ngân hàng Đông Á	232.151.913.400	169.399.913.400	232.151.913.400	169.399.913.400
▪ Công ty Cổ Phần Nhiên Liệu Sài Gòn	32.800.021.680	-	32.800.021.680	-
▪ Công ty Cổ Phần Địa Ốc M&C	65.380.375.000	65.380.375.000	65.380.375.000	65.380.375.000
▪ Công ty Cổ Phần Địa Ốc Kinh Đô	23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000
▪ Công ty Cổ Phần Quê Hương - Liberty	37.500.000.000	37.500.000.000	37.500.000.000	37.500.000.000
▪ Công ty Cổ Phần Hải Sản S.G	-	14.700.000.000	-	14.700.000.000
▪ Trái phiếu	450.000.000	475.000.000	450.000.000	470.000.000
	437.482.310.080	329.655.288.400	437.482.310.080	329.650.288.400

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư trong năm thể hiện các khoản dự phòng được lập trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, đầu tư dài hạn khác của Công ty bao gồm cổ phiếu của Ngân hàng Đông Á với giá trị ghi sổ là 141 tỷ VNĐ (2007: 121 tỷ VNĐ) được thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

11. Các công ty trong Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Tập đoàn có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hợp nhất	2008		2007	
			% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con						
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	176/6 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	70,00%	70,00%	74,30%	74,30%
Công ty Cổ phần Hải sản S.G	C24-24B/II, Đường số 2F, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	57,63%	57,63%	-	-
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	295/71 An Dương Vương, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có thêm một công ty con – Công ty Cổ phần Hải sản S.G tại ngày 1 tháng 1 năm 2008, chi tiết như sau:

VNĐ

Tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất

Tài sản

Tiền và các khoản tương đương tiền	3.277.166.678
Các khoản phải thu	25.681.211.815
Hàng tồn kho	36.447.383.114
Tài sản ngắn hạn khác	3.717.140.435
Tài sản cố định	20.689.768.931

Nợ phải trả

Vay ngắn hạn	(26.901.859.000)
Phải trả thương mại	(16.340.626.494)
Nợ ngắn hạn khác	(1.732.310.918)
Vay dài hạn	(16.938.913.328)

Tài sản thuần tại ngày hợp nhất

27.898.961.233

Trừ:

Đầu tư của Tập đoàn vào công ty con tại ngày hợp nhất	(14.700.000.000)
Lợi ích của Tập đoàn trên lợi nhuận chưa phân phối của công ty con tại ngày hợp nhất	(319.924.432)
Chênh lệch tỷ giá	(192.361.604)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(91.464.400)

Lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh

12.595.210.797

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn	Bình khí đốt VNĐ	Thuê nhà VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu năm	126.887.662.253	2.673.536.220	-	129.561.198.473
Tăng trong năm	32.765.797.930	8.646.942.795	2.887.177.125	44.299.917.850
Phân bổ trong năm	(17.218.631.706)	(1.376.738.748)	(837.811.384)	(19.433.181.838)
Số dư cuối năm	142.434.828.477	9.943.740.267	2.049.365.741	154.427.934.485

Công ty	Thuê nhà VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu năm	2.673.536.220	-	2.673.536.220
Tăng trong năm	8.646.942.795	2.636.455.093	11.283.397.888
Phân bổ trong năm	(1.376.738.748)	(789.067.606)	(2.165.806.354)
Số dư cuối năm	9.943.740.267	1.847.387.487	11.791.127.754

13. Tài sản thuế hoãn lại

	Tập đoàn		Công ty	
	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Dự phòng trợ cấp thôi việc	664.929.490	175.714.959	429.143.803	-
Chi phí phải trả	68.793.967	-	-	-
Lỗ tính thuế	1.208.787.432	1.271.328.639	-	-
Lỗ chưa thực hiện	392.778.413	5.708.910	-	-
	2.335.289.302	1.452.752.508	429.143.803	-

Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ không hết hạn theo các quy định thuế hiện hành. Các khoản lỗ mang sang phát sinh bởi Hong Vina từ năm 2005 đến 2006. Lỗ tính thuế có thể được mang sang để căn trừ lợi nhuận chịu thuế cho các năm kế tiếp trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

14. Lợi thế thương mại

	VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	3.257.396.026
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	542.899.338
Phân bổ trong năm	1.085.798.675
Số dư cuối năm	1.628.698.013
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	1.628.698.013
Số dư đầu năm	2.714.496.688

15. Vay ngắn hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Vay ngắn hạn				
Từ các công ty liên quan	-	-	-	21.500.000.000
Từ ngân hàng				
▪ Bằng Đồng Đôla	5.239.699.790	-	5.239.699.790	-
▪ Bằng VNĐ	106.073.180.088	13.000.000.000	45.230.000.000	-
▪ Bằng vàng	357.634.183.027	269.391.560.125	357.634.183.027	269.391.560.125
	468.947.062.905	282.391.560.125	408.103.882.817	290.891.560.125
Vay dài hạn đến hạn trả	1.243.319.340	2.480.975.680	1.243.319.340	2.480.975.680
	470.190.382.245	284.872.535.805	409.347.202.157	293.372.535.805

Khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn từ các ngân hàng bao gồm khoản vay từ ngân hàng của Công ty và các công ty con, chi tiết các khoản vay như sau:

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, khoản vay từ ngân hàng của Công ty bao gồm khoản 202.833 triệu VNĐ (2007: 22.899 triệu VNĐ) không được bảo đảm và khoản 205.271 triệu VNĐ (2007: 167.993 triệu VNĐ) được bảo đảm bởi cổ phiếu của Ngân hàng Đông Á với giá trị ghi sổ 141 tỷ VNĐ (2007: 121 tỷ VNĐ).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, khoản vay từ ngân hàng của các công ty con bao gồm 58.023 triệu VNĐ (2007: Không) không được bảo đảm và khoản 2.820 triệu VNĐ (2007: 13.000 triệu VNĐ) được Công ty bảo lãnh.

Khoản vay từ ngân hàng bằng Đô la Mỹ, VNĐ và vàng chịu lãi suất năm lần lượt dao động từ 5,50% đến 8,50% (2007: không), 10,80% đến 21,00% (2007: 8,40% đến 12,00%) và 4,20% đến 8,70% (2007: 4,46% đến 4,80%) trong năm.

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	Tập đoàn		Công ty	
	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	8.048.410.317	4.128.125.915	7.762.559.524	3.755.834.599
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.741.004.336	11.476.308.514	3.189.539.064	10.928.528.599
Thuế khác	141.441.006	241.242.076	60.211.211	228.767.670
	14.930.855.659	15.845.676.505	11.012.309.799	14.913.130.868

17. Chi phí phải trả

	Tập đoàn		Công ty	
	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Chi phí lãi vay	1.036.430.633	-	909.542.718	207.316.667
Tiền thưởng và lương tháng 13	1.228.644.639	477.008.916	-	-
Phí kiểm toán	354.094.000	171.750.000	309.094.000	123.750.000
Thuê nhà	1.423.220.144	-	1.423.220.144	-
Chi phí khác	1.565.141.217	1.104.739.334	1.184.780.575	788.174.854
	5.607.530.633	1.753.498.250	3.826.637.437	1.119.241.521

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

18. Phải trả khác

	Tập đoàn		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
	VND	VND	VND	VND
Phí công đoàn	1.506.790.945	968.988.343	1.169.054.607	924.975.625
Bảo hiểm xã hội	278.016.138	145.385.923	130.067.359	125.416.547
Bảo hiểm y tế	90.056.075	-	82.581.126	-
Cổ tức	971.886.000	46.449.000	971.886.000	46.449.000
Doanh thu nhận trước	-	-	9.297.148.081	11.578.556.753
Quỹ cho Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.806.928.386	407.004.965	4.478.234.546	385.694.000
Khác	4.679.990.973	9.780.052.192	4.642.918.995	9.742.980.214
	12.333.668.517	11.347.880.423	20.771.890.714	22.804.072.139

19. Vay dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn				
Từ ngân hàng Đông Á				
• Khoản vay 1 (a)	637.573.381	887.173.381	637.573.381	887.173.381
• Khoản vay 2 (b)	769.980.225	1.502.124.056	769.980.225	1.502.124.056
• Khoản vay 3 (c)	1.691.767.695	2.702.977.193	1.691.767.695	2.702.977.193
• Khoản vay 4 (d)	14.465.606.311	-	-	-
Từ ngân hàng Thương mại Á Châu				
• Khoản vay 5	-	2.749.800.000	-	2.749.800.000
	17.564.927.612	7.842.074.630	3.099.321.301	7.842.074.630
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(1.243.319.340)	(2.480.975.680)	(1.243.319.340)	(2.480.975.680)
Hoàn trả sau 12 tháng	16.321.608.272	5.361.098.950	1.856.001.961	5.361.098.950

Khoản vay 1, 2 và 3 được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 3.228 triệu VND (2007: 2.841 triệu VND).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

- a. Khoản vay 1 chịu lãi suất 13,80% (2007: 13,80%) trong năm. Khoản vay này được hoàn trả trong 60 tháng bằng nhau, mỗi tháng 20,8 triệu VNĐ bắt đầu từ tháng 8 năm 2006 và số dư còn lại được trả vào kỳ cuối là tháng 7 năm 2011.
- b. Khoản vay 2 bằng EUR chịu lãi suất năm 6,5% (2007: 6,5%) trong năm. Khoản vay này được hoàn trả trong 60 tháng bằng nhau, mỗi tháng 1.670 EUR bắt đầu từ tháng 9 năm 2005 và số dư còn lại được trả vào kỳ cuối là tháng 8 năm 2010. Khoản vay gốc chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 33.220 EUR (2007: 53.260 EUR).
- c. Khoản vay 3 bằng EUR chịu lãi suất năm 7,5% (2007: 7,5%) trong năm. Khoản vay này được hoàn trả trong 60 tháng bằng nhau, mỗi tháng 2.083 EUR bắt đầu từ tháng 11 năm 2006 và kỳ số dư còn lại được trả vào kỳ cuối là tháng 10 năm 2011. Khoản vay gốc chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 70.842 EUR (2007: 95.838 EUR).
- d. Khoản vay 4 bằng Đô la Mỹ, liên quan đến khoản vay của một công ty con được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 10.381 triệu VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm 10,05% (2007: 7,3%) trong năm. Khoản vay gốc chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 852.071 Đô la Mỹ và được hoàn trả trong 19 quý bằng nhau, mỗi quý 46.500 Đô la Mỹ.

20. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ
Số dư đầu năm	1.662.813.948	959.954.112
Dự phòng từ hợp nhất kinh doanh	13.291.950	-
Trích lập dự phòng trong năm	1.973.353.768	1.532.656.438
Sử dụng dự phòng trong năm	(350.335.917)	(151.673.450)
Số dư cuối năm	3.299.123.749	2.340.937.100

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ (hiện tại là 540.000 VNĐ/tháng). Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không còn nghĩa vụ trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

21. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

	2008		2007	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000

Trong năm Công ty đã thực hiện tách cổ phiếu trên cơ sở 10 cổ phiếu mới cho một cổ phiếu hiện hữu. Mệnh giá của cổ phiếu mới là 10.000 VNĐ so với mệnh giá cũ là 100.000 VNĐ. Số lượng cổ phiếu tại thời điểm và cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được quy đổi để có thể so sánh được với số lượng cổ phiếu tại thời điểm và cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2008				
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	
Số dư đầu năm	30.000.000	300.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000	
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	20.000.000	200.000.000.000	
Số dư cuối năm	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000	

22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Tập đoàn		Công ty	
	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Số dư đầu năm	8.118.542.217	817.304.565	8.090.539.342	817.304.565
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	91.464.400	-	-	-
Tăng trong năm	25.272.280.393	11.050.702.875	23.933.162.000	11.022.700.000
Sử dụng quỹ trong năm	(13.522.092.933)	(3.749.465.223)	(13.251.118.429)	(3.749.465.223)
Số dư cuối năm	19.960.194.077	8.118.542.217	18.772.582.913	8.090.539.342

23. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Tập đoàn	
	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Số dư đầu năm	29.963.138.818	-
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	12.595.210.797	6.006.531.846
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	6.418.455.498	23.332.044.501
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	6.300.247.042	631.254.381
Phần trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(513.065.518)	(6.691.910)
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	(4.004.056.798)	-
Số dư cuối năm	50.759.929.838	29.963.138.818

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi	2.768.255.132	740.983.269	2.276.729.864	625.045.170
Thu từ đầu tư chứng khoán	-	36.963.059.080	-	36.963.059.080
Cổ tức	34.993.328.575	16.234.961.000	42.305.528.575	16.234.961.000
Thu từ kinh doanh vàng	12.393.859.075	-	12.393.859.075	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.545.836.162	580.049.282	886.623.493	572.644.609
Doanh thu tài chính khác	2.198.251.068	-	2.041.348.068	-
	56.899.530.012	54.519.052.631	59.904.089.075	54.395.709.859

25. Chi phí hoạt động tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	32.978.648.561	23.670.855.391	27.804.402.620	23.152.828.725
Lỗ từ đầu tư chứng khoán	11.412.702.677	-	10.480.205.677	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18.776.263.919	65.507.594	10.706.744.250	-
Chi phí tài chính khác	69.975.802	1.805.585.163	5.593.163	1.805.585.163
	63.237.590.959	25.541.948.148	48.996.945.710	24.958.413.888

26. Thu nhập khác

	Tập đoàn		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Lãi do chuyển tài sản cho công ty con	-	-	2.281.409.000	734.425.952
Tiền ký quỹ bình khí đốt đưa thu nhập	8.624.218.335	7.746.065.888	-	4.919.975.903
Thu nhập khác	2.542.973.920	213.816.189	1.187.991.970	201.950.893
	11.167.192.255	7.959.882.077	3.469.400.970	5.856.352.748

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện hành	35.528.877.415	16.528.148.816	31.426.235.324	15.968.091.324
(Lợi ích)/chi phí thuế hoãn lại				
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(880.428.750)	256.574.187	(429.143.803)	262.645.532
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(2.108.044)	(1.247.290.951)	-	-
Chi phí thuế thu nhập	34.646.340.621	15.537.432.052	30.997.091.521	16.230.736.856

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Tập đoàn		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	166.510.163.484	130.550.240.683	153.124.256.308	129.323.871.010
Thuế theo thuế suất của Công ty	46.622.845.775	36.554.067.391	42.874.791.766	36.210.683.883
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(1.059.527.184)	11.414.396	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.245.697.766	1.207.857.442	606.903.338	1.002.218.175
Thu nhập miễn thuế	(10.284.997.543)	(5.372.219.056)	(12.484.603.583)	(5.276.719.411)
Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại	-	262.645.532	-	262.645.532
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trong năm trước	(1.490.971.125)	(15.968.091.323)	-	(15.968.091.323)
Ảnh hưởng của lợi nhuận chưa thực hiện	(386.707.068)	(6.071.345)	-	-
Chi phí thuế thu nhập	34.646.340.621	15.537.432.052	30.997.091.521	16.230.736.856

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước như sau:

Doanh nghiệp	Thuế suất hiện hành	Ưu đãi thuế
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	28%	Không
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	28%	Giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho quý bốn năm 2008 và cả năm 2009 theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009.
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	25%	Không
Công ty Cổ phần Thủy sản S.G	15%	Giảm 50% chi phí thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2014 và giảm thêm 20% chi phí thuế thu nhập trên phần lợi nhuận từ xuất khẩu.

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Tập đoàn		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Lợi nhuận thuần trong năm	125.563.575.821	114.381.554.250	122.127.164.787	113.093.134.154
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	125.563.575.821	114.381.554.250	122.127.164.787	113.093.134.154

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	Tập đoàn/Công ty	
	2008	2007
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	30.000.000	10.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành vào tháng 2 năm 2007	-	1.175.030
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành vào tháng 3 năm 2007	-	9.595.830
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành vào tháng 12 năm 2007	-	158.910
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	30.000.000	20.929.770

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Công ty	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2008	2007	2008	2007
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các công ty liên quan				
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt				
Vay ngắn hạn	51.116.907.826	(21.500.000.000)	15.058.447.196	(21.500.000.000)
Cổ tức nhận được	4.200.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina				
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	24.235.118.580	-	-
Công ty Cổ phần Hải sản S.G				
Cổ tức nhận được	3.112.200.000	-	-	-
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị				
Lương và thù lao	1.104.775.515	1.683.736.070	-	-

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

30. Các cam kết

(a) Mua sắm tài sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Tập đoàn có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	Tập đoàn		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	3.812.726.570	118.458.890.668	3.812.726.570	118.458.890.668
	3.812.726.570	118.458.890.668	3.812.726.570	118.458.890.668

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	8.713.228.981	4.152.997.490	8.356.457.731	3.796.226.240
Trong vòng hai đến năm năm	18.449.754.703	9.786.247.888	17.304.176.881	8.359.162.888
Sau năm năm	4.980.522.384	1.944.681.440	4.980.522.384	1.869.417.368
	32.143.506.068	15.883.926.818	30.641.156.996	14.024.806.496

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Tập đoàn		Công ty	
	2008 VNĐ	2007 VNĐ	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	3.691.397.248.039	1.578.861.463.152	3.408.688.177.081	1.533.269.322.222
Chi phí nhân công	99.445.585.058	55.415.825.168	73.035.548.951	51.611.008.427
Chi phí khấu hao và phân bổ	36.065.641.226	9.430.281.550	10.746.235.722	7.719.477.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.925.120.442	50.904.271.823	27.290.833.000	45.048.916.999
Chi phí khác	60.817.853.975	11.219.601.278	54.799.194.448	10.271.302.600

32. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay như:

Bảng cân đối kế toán

	Tập đoàn		Công ty	
	2007 VNĐ	2007 VNĐ	2007 VNĐ	2007 VNĐ
	(Phân loại lại)	(đã được trình bày trước đây)	(Phân loại lại)	(đã được trình bày trước đây)
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	653.882.919.533	180.476.705.109	633.512.705.740	160.106.491.316
Hàng tồn kho	30.864.803.203	504.271.017.627	9.557.019.059	482.963.233.483
Quỹ khác	-	21.310.965	-	-
Phải trả khác	11.347.880.423	11.326.569.458	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	630.038.000	1.780.038.000	188.181.818	1.338.181.818
Trả trước cho người bán	80.069.956.193	78.919.956.193	77.065.712.879	75.915.712.879

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2009